

Bản án số: 01/2022/DS-PT

Ngày: 10/01/2022

“Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Ngọc Hà và bà Lê Thị Thái Lan

-Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc: *“tranh chấp di sản thừa kế”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DSST ngày 10 tháng 04 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 225/2021/TB-TA ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lư Sanh D, sinh năm 1968; Nơi cư trú: 128 L, Phường A, thành phố T, tỉnh P. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Xuân S, sinh năm 1923; Nơi cư trú: 173T, Phường B, thành phố T, tỉnh P(chết ngày 14/6/2019).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

- Bà Lư Thị Thanh Đ, sinh năm 1958; Nơi cư trú: 74 T, Phường A, TP T, tỉnh P. Có mặt

- Bà Lư Thị Cẩm V, sinh năm 1947; Nơi cư trú: 403T, Phường B, TP T, tỉnh P.
Vắng mặt

- Ông Lư Sanh Ng, sinh năm 1946; Nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh P.

(chết ngày 03/12/2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: ông Lư Sanh Ch, sinh năm 1975, nơi cư trú: số 10 T, Phường C, TP T, tỉnh P; Bà Danh Thị H, sinh năm 1955, nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh P; Ông Lư Thái Ch, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh P; ông Lư Thanh Ch, nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện T, P. Ông Lư Thanh Ch có mặt còn lại vắng mặt.

- Bà Lư Thị Long A, sinh năm 1942; Nơi cư trú: Lô 27 H, Phường C, TP T, P. Có mặt

- Bà Lư Thị Thanh T, sinh năm 1954; Nơi cư trú: thôn Đ, xã A, huyện T, P. Có mặt

- Bà Lư Thị Thanh X, sinh năm 1961; Nơi cư trú: 173 Tr, Phường B, TP T, tỉnh P. Vắng mặt

Bà Lư Thị Cẩm V, Lư Thị Long A, Lư Thị Thanh T, Lư Thị Thanh X đều ủy quyền cho bà Lư Thị Thanh Đ, sinh năm 1958; Nơi cư trú: 74 N, Phường A, TP T, tỉnh P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lư Thị Thanh Đ, Lư Thị Long A, Lư Thị Thanh T, Lư Thị Thanh X: Có luật sư Ngô Minh T thuộc văn phòng luật sư số 01 tỉnh P. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lư Thị Thanh Đ, sinh năm 1958; Nơi cư trú: 74 Ng, Phường 3, TP T, tỉnh P.

- Bà Lư Thị Cẩm V, sinh năm 1947; Nơi cư trú: 403 T, Phường A, TP T, P. Ủy quyền cho ông Huỳnh Đức T, sinh năm 1977; Nơi cư trú: số 403 T, Phường A, TP T, tỉnh P.

- Ông Lư Sanh Ng, sinh năm 1946; Nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh P.(chết ngày 03/12/2019)

- Bà Lư Thị Long A, sinh năm 1942; Nơi cư trú: Lô 27 H, Phường C, TP T, tỉnh P.

- Bà Lư Thị Thanh T, sinh năm 1954; Nơi cư trú: thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh P.

- Bà Lư Thị Thanh X, sinh năm 1961; Nơi cư trú: 173 Tr, Phường B, TP T,

tỉnh P.

- Bà Trần Thị Lệ Th, sinh năm 1972; nơi cư trú: 128 L, Phường A, TP T, P; Có mặt

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lư Sanh D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lư Thị Thanh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lư Sanh D trình bày: Khi cha mẹ ông (ông Lư Th, bà Lê Thị Xuân S còn sống) đã thống nhất giao nhà đất tại H, xã A, huyện T cho anh Lư Sanh Ng quản lý sử dụng để thờ cúng tổ tiên còn các chị có gia đình ở riêng, ông D là con út nên ở chung với cha mẹ tại nhà đất số 128 L, Phường A, TP T. Đến năm 1982 ông Th, bà S cùng lập di chúc chung cho nhà đất tại số 128 L cho ông, có xác nhận của chính quyền địa phương là ông Kiều Văn L. Năm 1989 ông Th chết ông D vẫn ở chung với mẹ tại nhà đất số 128 L và làm nghề may mui nệm bỏ sỉ cho khách hàng, thu nhập từ 1.600.000đ đến 2.500.000đ/ngày, tất cả thu nhập đều giao cho mẹ là bà S quản lý. Năm 1993 ông cùng mẹ xây dựng nhà cấp 3 như hiện nay, toàn bộ tiền xây dựng nhà từ tiền ông giao cho mẹ và vay mượn thêm ngân hàng. Tuy bà S đứng tên trên khế ước vay nhưng ông D là người trả nợ vay vì mẹ đã 70 tuổi, đến năm 1995 ông kết hôn với bà Th và ở cùng mẹ tại nhà trên đến năm 1996 mới trả hết nợ. Thời điểm năm 1993 Sở xây dựng cấp chứng nhận quyền sở hữu nhà số 75 ngày 03/11/1993 đứng tên bà Lê Thị Xuân S, năm 1999 Ủy ban nhân dân tỉnh P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị Xuân S, đến năm 2003 ông và bà S phát sinh tranh chấp đòi lại phần nhà bà S đã cho ông theo di chúc. Tại bản án giám đốc thẩm số 166/2005/DS-GĐT của Tòa án nhân dân cấp cao Đ đã nhận định công nhận $\frac{1}{2}$ nhà 128 L cho ông D và phải tính công sức cho ông D, nên ông yêu cầu được nhận phần sở hữu của mình theo di chúc của ông Lư Th tại nhà 128 L.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Xuân S chết ngày 14/6/2019, đại diện những người kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S có các con gái là Lư Thị Cẩm V, Lư Thị Long A, Lư Thị Thanh T, Lư Thị Thanh Đ, Lư Thị Thanh X. Bà Lư Thị Thanh Đ đại diện trình bày: Cha mẹ bà là ông Lư Th, bà Lê Thị Xuân S có 7 người con gồm: Lư Sanh Ng, Lư Thị Cẩm V, Lư Thị Long A, Lư Thị Thanh T, Lư Thị Thanh Đ, Lư Thị Thanh X, Lư Sanh D. Lúc còn sống cha mẹ có tạo lập được nhiều tài sản trong đó có nhà tại 128 L; nhà đất tại H, xã A, huyện T. Đối với nhà đất tại 128 L, bà Đ cho rằng chưa thấy di chúc của ông Lư Th năm 1982 nên không chấp nhận yêu cầu của ông D về việc công nhận $\frac{1}{2}$ nhà 128 L, phường A, thành phố T theo di chúc,

nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Đối với nhà đất tại thôn H, xã A, huyện T hiện nay bà Danh Thị H đang quản lý là tài sản của cha mẹ ông Lư Th, bà Lê Thị Xuân S để lại, nên bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lư Sanh Ng chết ngày 03/12/2019, ông Lư Sanh Ch đại diện cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngoc trình bày: ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất tại 128 L là nhà của bà nội nên đồng ý chia theo pháp luật, riêng nhà đất tại thôn H, xã A, huyện T thì không đồng ý là di sản thừa kế vì trước đây bà Lê Thị xuân S đã lập di chúc cho ông Ng và ông Ng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản, ông Ng chết đã lập di chúc giao nhà đất cho vợ bà Danh Thị H được quyền sở hữu gắn liền quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lệ Th trình bày: bà kết hôn với ông D vào năm 1995, sau khi kết hôn ông D vẫn tiếp tục trả nợ vay tại ngân hàng đến năm 1996 mới trả xong , nên bà trình bày và yêu cầu như ông D.

Tại bản án sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 10/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định.

Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS; Điều 66 Luật HNGĐ năm 2014; Các Điều 166, Điều 167 Luật đất đai 2013; các Điều 609, 624, 625, 630, 642. 643 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lư Sanh D được nhận $\frac{1}{2}$ nhà, hưởng $\frac{1}{2}$ đất tại 128 L, Phường A, thành phố T, tỉnh P cùng với nhận 01 kỷ phần thừa kế của bà S để lại tổng có giá trị tương ứng bằng 4.018.608.000đ (Trong đó: 3.750.700.800đ $\frac{1}{2}$ nhà, đất; 267.907.200đ di sản bà S) nhưng được nhận bằng hiện vật toàn bộ nhà, đất để ở theo nhu cầu gồm: 01 căn nhà và các vật kiến trúc khác gắn liền với diện tích đất 70,8 m² loại đất ở tại thửa số 11, tờ bản đồ số D4-IV-AC, tọa lạc tại số 128 đường L, Phường A, TP T, tỉnh P được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 672042 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00092/QSDD/2043/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh P; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 75 quyển số 18/CNSH ngày 03/11/1993 của Sở xây dựng tỉnh P đứng tên bà Lê Thị Xuân S và buộc ông Lư Sanh D có nghĩa vụ thối lại giá trị bằng tiền $\frac{1}{2}$ giá trị nhà , đất phần tài sản của bà Lê Thị Xuân S (Chết ngày 14/6/2019) là 3.482.793.600đ cho các đồng thừa kế khác để phân chia theo di chúc ngày 06/6/2005 của bà S. Cụ thể: Bà Lư Thị Cẩm V, và Lư Thị Long A, bà Lư Thị Thanh Đ, bà Lư Thị Thanh X mỗi người được nhận một kỷ phần có giá trị 736.744.800đ. Bà Lư Thị Thanh T, ông Lư Sanh Ng

(do ông Lư Sanh Ch làm đại diện) mỗi người được nhận một kỷ phần có giá trị 267.907.200đ.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lư Thị Thanh Đ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Cẩm V, bà Lư Thị Long A, bà Lư Thị Thanh T, bà Lư Thị Thanh X về việc yêu cầu chia nhà, đất tại thôn B, xã A, huyện T, tỉnh P, hiện nay do bà Danh Thị H, cùng các con ông Ng đang quản lý, sử dụng tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 052338, ngày 25/10/2019 do ông Lư Sanh Ng đứng tên.

Ông Lư Sanh D có nghĩa vụ kê khai, làm thủ tục đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 128 L, Phường A, thành phố T, tỉnh P theo quy định pháp luật về đất đai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quy định thi hành án và thời hạn kháng cáo.

Ngày 23/4/2021, nguyên đơn ông Lư Sanh D có đơn kháng cáo 1 phần bản án về án phí.

Ngày 23/4/2021, bà Lư Thị Thanh Đ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Cẩm V, bà Lư Thị Long A, bà Lư Thị Thanh T, bà Lư Thị Thanh X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 23/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T có quyết định kháng nghị phúc thẩm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm theo hướng hủy một phần bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Những người liên quan có yêu cầu độc lập giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lư Thị Thanh Đ, Lư Thị Long A, Lư Thị Thanh T, Lư Thị Thanh X đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn chia thừa kế theo pháp luật là ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất mang số 128 L, phường A, thành phố T và ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất tại thôn H, xã A, huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX là đúng theo quy định của BLTTDS, về nội dung đề nghị

HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy bản án sơ thẩm giao lại TAND thành phố T giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, xét xử theo thủ tục vắng mặt.

[2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Bị đơn bà Lê Thị Xuân S chết ngày 14/6/2019, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S gồm 7 người con: bà Lư Thị Cẩm V, Lư Thị Long A, Lư Thị Thanh T, Lư Thị Thanh Đ, Lư Thị Thanh X, Lư Thị Thanh Đ, ông Lư Sanh Ng, ông Lư Sanh D. Sau đó các bà Lư Thị Cẩm V, Lư Thị Long A, Lư Thị Thanh T, Lư Thị Thanh X ủy quyền cho bà Lư Thị Thanh Đ. Nhưng tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định bà Lư Thị Thanh Đ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là không tuân thủ quy định của BLTTDS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lư Sanh Ng chết ngày 03/12/2019, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngoc gồm vợ bà Danh Thị H, con Lư Sanh Ch, Lư Thanh Ch, Lư Thái Ch nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định ông Lư Sanh Ch là người đại diện theo ủy quyền và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ng là không tuân thủ quy định của BLTTDS.

[3] Xét kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà S là bà Lư Thị Cẩm V, Lư Thị Long A, Lư Thị Thanh T, Lư Thị Thanh Đ, Lư Thị Thanh X đối với yêu cầu của ông Lư Sanh D công nhận ½ nhà tại 128 L, Phường A, TP T, tỉnh P thấy rằng:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh tại UBND phường A, Sở tư pháp tỉnh P về việc lưu trữ bản di chúc năm 1982 của ông Lê Th và bà Lê Thị Xuân S nhưng không còn lưu trữ. Nhưng căn cứ bản án sơ thẩm số 31/DSST ngày 13/9/2004 của Tòa án nhân dân thành phố T, bản án phúc thẩm số 66/DSPT ngày 24/12/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh P và quyết định giám đốc thẩm số 166/2005/DS-GĐT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đ thì bà S trình bày có việc vợ chồng ông Lư Th và bà Lê Thị Xuân S lập di chúc cho ông D nhà đất tại số 128 L, Phường A, thành phố T. Bản di chúc năm 1982 của ông Lư Th và bà Lê Thị Xuân S hiện nay không còn tài liệu lưu trữ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà S thừa nhận có lập di chúc cho nhà 128 L cho ông

D, theo quyết định giám đốc thẩm số 166/2005/QĐ-GĐT nhận định “*Tòa án nhân dân hai cấp công nhận phần di chúc của ông Th có hiệu lực và xác định anh D được hưởng 1/2 diện tích tại số 128 L là phần di sản của ông Th để lại là có căn cứ*”, nên di chúc của cụ S và cụ Th lập năm 1982 là tình tiết sự kiện không cần chứng minh theo điểm a Khoản 1 Điều 92 BLTTDS. Năm 1989 khi ông Lư Th chết không có di chúc nào thay đổi di chúc năm 1982, đến năm 2000 bà S có thay đổi di chúc đối với nhà đất tại 128 L. Căn cứ Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì di chúc năm 1982 có hiệu lực đối với phần di sản của ông Lư Th sau khi ông Th chết năm 1989. Việc bà S thay đổi di chúc chỉ có hiệu lực đối với 1/2 nhà tại 128 L, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông D công nhận 01 phần di chúc năm 1982 đối với di sản của ông Lư Th là 1/2 nhà đất tại 128 L cho ông D là có căn cứ.

[3.2] Sau khi ông Lư Th chết ông D và bà S xây dựng sửa chữa lại nhà, chi phí xây dựng nhà cấp 3 là từ tiền thu nhập của ông D và một phần vay ngân hàng. Theo ông D trình bày thì thời gian này ông chưa cưới vợ và có đăng ký kinh doanh làm nghề may mui nệm tại nhà đang tranh chấp, thu nhập từ công việc may mui nệm ông D đều giao cho mẹ là bà S quản lý, còn việc vay ngân hàng do bà S đứng tên, nhưng việc trả nợ vay là do ông D trả kéo dài đến năm 1996 mới thực hiện xong. Thấy rằng, ông D sống cùng với mẹ S và có việc đăng ký kinh doanh nghề may mui nệm tại nhà 128 L, việc ông D trình bày tiền xây nhà từ thu nhập của ông là cơ sở, nên cần xét công sức của ông D đối với phần xây dựng nhà cấp 3 tại 128 L. Thực tế ông D không chứng minh được phần góp vốn của mình bao nhiêu nên cấp sơ thẩm xác định phần công sức của ông D là 50 % giá trị ngôi nhà cấp 3 là phù hợp, gia đình ông D hiện đang sinh sống tại nhà số 128 L và không còn chỗ ở nào khác, các thừa kế khác đều có chỗ ở ổn định, nên yêu cầu của ông D được nhận hiện vật là phù hợp và phải trả lại chênh lệch giá trị kỷ phần cho các thừa kế.

[3.3] Ông D sống cùng với cha mẹ tại 128 L và xây dựng lại nhà cấp 3 từ năm 1993, sau đó bà S chuyển sang ở với con gái là bà Lư Thị Thanh Đ, ông D là người trực tiếp quản lý, tôn tạo di sản, nên cần phải tính công sức của ông D nhưng cấp sơ thẩm không xem xét là thiếu sót.

[4] Xét kháng cáo của ông Lê Sanh D về phần án phí: Từ nhận định tại mục 3 xác định phần di sản ông D được hưởng thừa kế của ông Th, bà S gồm: 1/2 giá trị đất tại 128 L 3.663.900.000đ hưởng theo di chúc của ông Th; 241.116.480đ hưởng thừa kế theo pháp luật của bà S; Còn 1/2 giá trị nhà không phải phần tài sản ông D được hưởng thừa kế mà là tài sản của ông D trong khối tài sản chung của ông D và bà S. Do đó ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm căn cứ Khoản 7 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Đối kháng cáo yêu cầu chia thừa kế nhà đất tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh P thì thấy rằng:

Các bà Lư Thị Cẩm V, Lư Thị Long A, Lư Thị Thanh T, Lư Thị Thanh Đ, Lư Thị Thanh X, Bà Lư Thị Thanh Đ có yêu cầu chia thừa kế đối với nhà đất tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh P, đồng thời cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tặng cho của bà S, ngoài ra không có căn cứ khác chứng minh về nguồn gốc đất. Theo trình bày của bà Danh Thị H tại B1 số 188 thì “*toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 738288 do UBND huyện T cấp năm 2000 ...sau nhiều lần tách thửa, chuyển nhượng, nay phần đất này là thửa số 1243, tờ bản đồ 23, diện tích 1.342,7m² là một phần diện tích của thửa đất được cấp giấy chứng nhận năm 2000*”. Như vậy diện tích trên có việc tách thửa chuyển nhượng hay không, nguồn gốc đất là của ai, vợ chồng ông Lư Sanh Ng sử dụng đất từ năm nào, được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với diện tích đất trên dựa trên căn cứ gì vẫn chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định rằng ngày 22/4/2000, bà Lê Thị Xuân S đã tự nguyện tặng cho nhà đất tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh P cho ông Ng, tất cả những người thừa kế đều biết không ai phản đối và cũng không tranh chấp nhưng chưa xác minh và làm rõ. Bà Danh Thị H là vợ ông Lư Sanh Ng đứng tên đăng ký kê khai nhà ở gắn liền quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã chuyển nhượng lại cho một số người để xây dựng nhà ở như ông Trần Văn H, Trần Thanh D, Võ Hồng Đ nhưng chưa được thu thập và đưa họ vào tham gia tố tụng. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Lê Thị Xuân S chuyển sang ông Lư Sanh Ng, bà Danh Thị H cần phải thu thập để xác định di sản.

Từ những căn cứ như trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần chấp nhận kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân TP T và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy bản án sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 10/04/2021 về việc “tranh chấp di sản thừa kế” của Tòa án nhân dân thành phố T giữa nguyên đơn ông Lư Sanh D và bị đơn bà Lê Thị Xuân S. Giao hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân thành phố Tuy H xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Hoàn lại cho ông Lư Sanh D, bà Lư Thị Thanh Đ, Lư Thị Cẩm V, Lư Thị Thanh T, Lư Thị Thanh X, Lư Thị Long A mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án

phí DSPT. Đã nộp ở các biên lai thu tiền số 0004559, 0004560, 0004561, 0004564, 0004563, 0004562 cùng ngày 14/5/2021 tại Chi cục THA thành phố T

Về án phí DSST và chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Hà Lê Thị Thái Lan

Mai Tấn Hoàng

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND H. Đông Hòa (2);
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hòa;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hoàng